



HAGL Agrico

**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế
Hoàng Anh Gia Lai**

(Trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai)

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý III năm 2015



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	7 - 30

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 9 năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 09 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.854.360.909	1.126.076.878
110	I. Tiền	4	1.400.430	1.449.756
111	1. Tiền		1.400.430	1.449.756
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.847.761.684	1.123.479.683
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	451.920.910	15.808.396
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	550.162	4.543.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	2.055.424.408	405.196.050
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.341.090.964	699.828.997
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.224.760)	(1.896.760)
140	III. Hàng tồn kho		1.037.595	1.123.079
141	1. Hàng tồn kho	8	1.037.595	1.123.079
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		4.161.200	24.360
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.522.773	24.360
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		352.596	-
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		285.831	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.438.330.538	9.345.285.052
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.810.597.767	3.343.583.806
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	9	1.810.597.767	3.343.583.806
220	II. Tài sản cố định		47.930.392	53.835.887
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	9.954.776	11.323.042
222	Nguyên giá		24.605.782	23.802.035
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.651.006)	(12.478.993)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	37.975.616	42.512.845
228	Nguyên giá		48.197.185	48.197.185
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.221.569)	(5.684.340)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		6.579.040.600	5.946.621.909
251	1. Đầu tư vào công ty con	12.1	6.330.580.049	5.698.161.358
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	12.2	248.460.551	248.460.551
260	IV. Tài sản dài hạn khác		761.779	1.243.450
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	761.779	1.243.450
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		12.292.691.447	10.471.361.930

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 9 năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 09 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.023.699.219	5.157.554.042
310	I. Nợ ngắn hạn		2.091.904.102	3.756.594.851
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	3.251.320	49.535.597
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	157.823	1.661.435
314	3. Phải trả người lao động		1.142.554	894.958
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	5.509.100	6.718.423
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	18	6.766.305	1.439.956.438
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	2.075.077.000	2.257.828.000
330	II. Nợ dài hạn		1.931.795.117	1.400.959.191
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	266.890.000	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	1.664.905.117	1.400.959.191
400	D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	21	8.268.992.228	5.313.807.888
410	I. Vốn chủ sở hữu		8.268.992.228	5.313.807.888
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		7.081.438.950	3.990.670.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.081.438.950	3.990.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.550.810	1.295.347.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.185.002.468	27.790.888
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		27.790.888	19.507.500
412b	- LNST chưa phân phối kỳ này		1.157.211.580	8.283.388
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		12.292.691.447	10.471.361.930

Hồ Thị Tuyết Loan

Người lập

Đỗ Văn Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng

Giám đốc

Ngày 12 tháng 11 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý III năm 2015

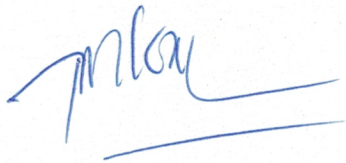
Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	3.257.728	4.192.575	12.277.184	9.751.904
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	3.257.728	4.192.575	12.277.184	9.751.904
11	4. Giá vốn hàng bán	23	(3.321.107)	(3.651.359)	(10.549.426)	(7.504.365)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(63.379)	541.216	1.727.758	2.247.539
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	434.218.267	153.156.728	1.365.358.052	301.932.510
22	7. Chi phí tài chính	24	(57.351.563)	(58.419.612)	(170.440.337)	(194.640.214)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(57.351.563)	(58.189.113)	(170.323.421)	(190.767.767)
25	8. Chi phí bán hàng		(96.619)	(427.085)	(1.476.276)	(1.963.644)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(8.624.720)	(6.662.337)	(36.142.251)	(22.052.968)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		368.081.986	88.188.910	1.159.026.946	85.523.223
31	11. Thu nhập khác	25	1.605.368	831.377	3.268.121	2.765.423
32	12. Chi phí khác	25	(1.566.248)	(830.972)	(5.269.992)	(2.552.914)
40	13. Lợi nhuận khác	25	39.120	405	(2.001.871)	212.509

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

Ngàn VNĐ

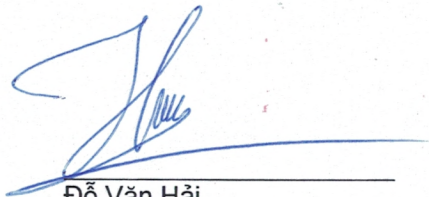
Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		368.121.106	88.189.315	1.157.025.075	85.735.732
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	-	-	186.505	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		368.121.106	88.189.315	1.157.211.580	85.735.732



Hồ Thị Tuyết Loan

Người lập

Ngày 12 tháng 11 năm 2015



Đỗ Văn Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng

Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý III năm 2015

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		1.157.025.075	(4.453.409)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	10,11	7.158.301	6.847.473
03	Các khoản dự phòng		(672.000)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.365.358.052)	(194.856.947)
06	Chi phí lãi vay		170.323.421	190.767.767
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(31.523.255)	(1.695.116)
09	Tăng các khoản phải thu		(159.718.020)	3.292.469.364
10	Tăng hàng tồn kho		85.484	2.102.287
11	Tăng các khoản phải trả		(84.600.071)	325.772.504
12	Giảm chi phí trả trước		(3.016.743)	807.758
14	Tiền lãi vay đã trả		(265.016.994)	(201.975.840)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	26	(1.157.773)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		(544.947.372)	3.417.480.957
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(1.842.247)	(63.961.078)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		589.441	-
23	Tiền chi cho vay		(100.000.012)	(3.739.393.748)
24	Tiền thu hồi cho vay		19.652.607	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(987.259.965)	(587.324.358)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		-	100.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		839.824.729	(77.801.549)
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(229.035.447)	(4.368.480.733)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		1.797.972.760	-
33	Tiền thu từ đi vay		870.366.738	1.363.300.945

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
34	Tiền trả nợ gốc vay, mượn		(1.811.314.845)	(410.486.360)
36	Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu		(83.091.160)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		773.933.493	952.814.585
50	Giảm (tăng) tiền thuần trong kỳ		(49.326)	1.814.809
60	Tiền đầu kỳ	4	1.449.756	543.595
70	Tiền cuối kỳ	4	1.400.430	2.358.404



Hồ Thị Tuyết Loan

Người lập



Đỗ Văn Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng

Giám đốc

Ngày 12 tháng 11 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý III năm 2015

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai) ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010, và mười ba (13) Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Vào ngày 03 tháng 04 năm 2015, Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5900712753 – điều chỉnh lần thứ mười một, chấp thuận việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai thành Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.

Vào ngày 06 tháng 05 năm 2015, Công ty đã nhận Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ mười hai, thay đổi tên Giám đốc Công ty từ Ông Trịnh Xuân Nhân thành Ông Nguyễn Xuân Thắng.

Vào ngày 04 tháng 06 năm 2015, Công ty đã nhận Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ mười ba, tăng vốn điều lệ từ ba ngàn chín trăm chín mươi tỷ đồng lên bảy ngàn không trăm tám mươi một tỷ đồng.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai có tỷ lệ sở hữu là 79,52% vào ngày 30 tháng 09 năm 2015.

Hoạt động chính theo giấy phép của Công ty là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, mía và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng nhà các loại; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính tại số 15 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ quý III năm 2015 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VNĐ").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ, dụng cụ và hàng hóa | - | Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.7 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận chuyển	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vật nuôi	6 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh trừ khi các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí quản lý các công ty con. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.13 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

4. TIỀN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Tiền gửi ngân hàng	1.326.376	1.348.016
Tiền mặt tại quỹ	74.054	101.740
TỔNG CỘNG	<u>1.400.430</u>	<u>1.449.756</u>

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	11.795.975	15.808.396
Khoản phải thu từ thanh lý các khoản đầu tư	425.663.640	-
Phải thu các bên liên quan (thuyết minh số 27)	14.461.295	-
TỔNG CỘNG	<u>451.920.910</u>	<u>15.808.396</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	550.162	4.543.000
TỔNG CỘNG	<u>550.162</u>	<u>4.543.000</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Cho vay ngắn hạn	185.500.618	-
Cho vay ngắn hạn bên liên quan (thuyết minh số 27)	1.869.923.790	405.196.050
Các khoản khác	1.341.090.964	699.828.997
TỔNG CỘNG	<u>3.396.515.372</u>	<u>1.105.025.047</u>

Trong đó, phải thu các khoản khác bao gồm phải thu các bên liên quan số tiền là:
 1.336.675.963 ngàn VNĐ (thuyết minh số 27)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

8. HÀNG TỒN KHO

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Hàng hóa	945.200	965.139
Nguyên vật liệu	63.181	141.676
Công cụ, dụng cụ	29.214	16.264
TỔNG CỘNG	<u>1.037.595</u>	<u>1.123.079</u>

9. PHẢI THU DÀI HẠN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Cho vay dài hạn bên liên quan (thuyết minh số 27)	1.810.597.767	3.343.583.806
TỔNG CỘNG	<u>1.810.597.767</u>	<u>3.343.583.806</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Ngàn VNĐ</i>			
	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá				
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	16.616.942	6.903.819	281.274	23.802.035
Mua sắm mới	880.050	962.197	-	1.842.247
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.038.500)	-	(1.038.500)
Ngày 30 tháng 09 năm 2015	<u>17.496.992</u>	<u>6.827.516</u>	<u>281.274</u>	<u>24.605.782</u>
Hao mòn lũy kế				
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	(9.711.653)	(2.530.580)	(236.760)	(12.478.993)
Tăng trong kỳ	(2.026.603)	(556.873)	(37.596)	(2.621.072)
Thanh lý, nhượng bán	-	449.059	-	449.059
Ngày 30 tháng 09 năm 2015	<u>(11.738.256)</u>	<u>(2.638.394)</u>	<u>(274.356)</u>	<u>(14.651.006)</u>
Giá trị còn lại				
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>6.905.289</u>	<u>4.373.239</u>	<u>44.514</u>	<u>11.323.042</u>
Ngày 30 tháng 09 năm 2015	<u>5.758.736</u>	<u>4.189.122</u>	<u>6.918</u>	<u>9.954.776</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2015

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VNĐ Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá	
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	48.197.185
Mua sắm mới	-
Ngày 30 tháng 09 năm 2015	<u>48.197.185</u>
Hao mòn lũy kế	
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	(5.684.340)
Tăng trong kỳ	(4.537.229)
Ngày 30 tháng 09 năm 2015	<u>(10.221.569)</u>
Giá trị còn lại	
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	42.512.845
Ngày 30 tháng 09 năm 2015	<u>37.975.616</u>

12. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

12.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con tại ngày 30 tháng 09 năm 2015 như sau:

<i>Tên công ty</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2015</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	
		<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
		<i>%</i>	<i>Ngàn VNĐ</i>	<i>%</i>	<i>Ngàn VNĐ</i>
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Nông nghiệp	100,00	2.267.840.304	100,00	1.936.150.456
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Nông nghiệp	99,99	1.375.149.450	99,99	1.375.149.450
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Nông nghiệp	100,00	909.883.615	100,00	909.883.615
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh (i)	Nông nghiệp	97,77	440.512.398	97,54	439.601.488
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên (ii)	Chăn nuôi	99	615.584.549	-	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk (iii)	Bất động sản và Nông nghiệp	99,53	394.313.155	99,42	373.422.705

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

12. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 09 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ
		%	Ngàn VNĐ	%	Ngàn VNĐ
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Nông nghiệp	100,00	238.623.387	100,00	171.654.457
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Thương mại	100,00	88.673.191	100,00	66.673.191
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai (iv)	Nông nghiệp	-	-	99,83	425.625.996
TỔNG CỘNG			6.330.580.049		5.698.161.358

(i) Trong kỳ, Công ty đã mua lại 0,23% cổ phần từ cổ đông thiểu số của Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh, tăng tỷ lệ sở hữu từ 97,54% lên 97,77%.

(ii) Vào ngày 27 tháng 4 năm 2015, Công ty đã mua 98,61% cổ phần Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên, một Công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5900985126 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 28 tháng 4 năm 2014. Lĩnh vực kinh doanh chính hiện tại của Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên là chăn nuôi bò thịt. Vào ngày 12 tháng 5 năm 2015, Công ty đã góp thêm 154.568.300 ngàn VNĐ vào Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên tăng tỷ lệ sở hữu lên 99%.

(iii) Trong kỳ, Công ty đã góp thêm 0,04% quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đăk Lăk (Công ty con hiện hữu) với tổng giá mua là 20.000.000 ngàn VNĐ và mua lại từ cổ đông thiểu số 22.239 cổ phần, tăng tỷ lệ sở hữu từ 99,46% lên 99,53%.

(iv) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Trồng Rừng Công nghiệp Gia Lai cho ba cá nhân là bà Lê Thị Ngọc Bích, Ông Nguyễn Văn Thiêng và Ông Trần Quang Dũng.

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 09 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ
		%	Ngàn VNĐ	%	Ngàn VNĐ
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	45,22	248.460.551	45,22	248.460.551

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2015

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Chi phí trả trước dài hạn	761.779	1.243.450
TỔNG CỘNG	<u>761.779</u>	<u>1.243.450</u>

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh số 20)	2.000.000.000	2.000.000.000
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả (Thuyết minh số 20)	66.073.000	249.278.400
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 20)	9.004.000	8.549.600
TỔNG CỘNG	<u>2.075.077.000</u>	<u>2.257.828.000</u>

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	3.251.320	49.535.597
TỔNG CỘNG	<u>3.251.320</u>	<u>49.535.597</u>

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 87.540 ngàn VNĐ tại ngày 30 tháng 09 năm 2015 (Thuyết minh số 27).

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Thuế giá trị gia tăng	-	537.671
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 26)	-	1.058.447
Thuế thu nhập cá nhân	157.823	65.317
TỔNG CỘNG	<u>157.823</u>	<u>1.661.435</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Chi phí lãi vay	5.507.750	5.828.823
Các khoản khác	1.350	889.600
TỔNG CỘNG	5.509.100	6.718.423

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	1.359.343	1.435.202.757
Phải trả khác bên thứ ba	5.406.962	4.753.681
TỔNG CỘNG	6.766.305	1.439.956.438

19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	266.890.000	-
TỔNG CỘNG	266.890.000	-

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Vay dài hạn ngân hàng (<i>Thuyết minh số 20.1</i>)	993.532.764	956.637.838
Trái phiếu kèm chứng quyền (<i>Thuyết minh số 20.2</i>)	2.000.000.000	2.000.000.000
Vay bên liên quan (<i>Thuyết minh số 20.3 và 27</i>)	746.449.353	702.149.353
TỔNG CỘNG	3.739.982.117	3.658.787.191
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn</i>	1.664.905.117	1.400.959.191
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 20.2</i>)	2.000.000.000	2.000.000.000
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 20.3</i>)	66.073.000	249.278.400
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 20.1</i>)	9.004.000	8.549.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

20.1 Các khoản vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 09 năm 2015	Thời hạn thanh toán	Lãi suất	Tài sản thế chấp
<i>Ngân VNĐ</i>				
<i>BIDV, chi nhánh Gia Lai</i>				
Hợp đồng vay số 01/2010/HĐ-TD, ngày 1 tháng 4 năm 2010	<u>731.078.159</u>	Hoàn trả trong vòng 130 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 28 tháng 4 năm 2010)	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng Đô la Mỹ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,7%/năm (7% năm trong năm 2015)	Dự án trồng 10.000 ha cao su tại tỉnh Attapeu, Lào
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>9.004.000</i>			
<i>Sacombank, chi nhánh Đà Nẵng</i>				
Hợp đồng tín dụng số LD1400300153, ngày 3 tháng 1 năm 2014	<u>262.454.605</u>	Hoàn trả trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 3 tháng 1 năm 2014)	1,125%/tháng trong 3 tháng đầu, sau đó được điều chỉnh 4 lần mỗi năm theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng + 0,3333%/tháng (11.55% đến 11.7%/năm trong năm 2015)	Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại Bình Hiên, Bình Thuận, Đà Nẵng của Công ty Cổ phần Phát triển nhà Hoàng Anh Gia Lai; 10.570.000 cổ phiếu công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức – Chủ tịch HĐQT Cty CP Hoàng Anh Gia Lai

20.2 Trái phiếu kèm chứng quyền

Ngày 5 tháng 12 năm 2012, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 2.000 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100 triệu VNĐ) do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ("VPBS") thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm và được ân hạn thêm 1 năm. Trái phiếu được trả lãi định kỳ ba (3) tháng một lần với lãi suất là 11,37%/năm cho ba (3) kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi kỳ hạn từ một đến dưới mười hai (12) tháng của Ngân hàng Nhà nước ("SBV") bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 3%/năm. Trong trường hợp SBV hủy bỏ quy định về lãi suất tối đa đối với tiền gửi có kỳ hạn từ một đến dưới mười hai (12) tháng, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm của cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng trả lãi cuối kỳ của VPBS bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 3%/năm. Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital ("ECS") căn cứ theo các hợp đồng vào ngày 7 tháng 12 năm 2012, ngày 25 tháng 12 năm 2012 và ngày 27 tháng 12 năm 2012 với số tiền thu được là 750 tỷ VNĐ, 450 tỷ VNĐ và 800 tỷ VNĐ. Như vậy, tổng số tiền thu được từ các hợp đồng bán trái phiếu này là 2.000 tỷ VNĐ. Mục đích phát hành trái phiếu này là để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc 28.173 ha cao su tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 9.470 ha cọ dầu tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 25.000 ha cao su và cọ dầu tại tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; dự án trồng và chăm sóc 5.000 ha cao su tại tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; dự án trồng và chăm sóc 3.000 ha mía tại tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; tái cấu trúc nợ vay của Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

20.2 Trái phiếu kèm chứng quyền (tiếp theo)

và bổ sung vốn lưu động và đầu tư cho các dự án khác của Công ty. Các trái phiếu nói trên được đảm bảo bằng 150 triệu cổ phiếu của Công ty được nắm giữ bởi Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai, Công ty mẹ.

Ngoài ra, mỗi trái phiếu phát hành kèm theo một chứng quyền và các chứng quyền này sẽ được coi là chứng khoán hoàn toàn độc lập với các trái phiếu ngay sau khi được phát hành. Mỗi chứng quyền sẽ cho phép người nắm giữ có quyền mua một số lượng cổ phần của Công ty tương đương với 0,000775% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền và theo nguyên tắc là tất cả các chứng quyền trong đợt phát hành này nếu được thực hiện toàn bộ sẽ luôn đảm bảo cho những người sở hữu chứng quyền quyền sở hữu đối với 15,5% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền. Thời hạn thực hiện quyền mua cổ phần theo chứng quyền là bốn (4) năm kể từ ngày phát hành chứng quyền.

Tại ngày 23 tháng 06 năm 2015, theo thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital và Công ty về việc đàm phán và gia hạn ngày hết hạn của chứng quyền từ bốn (4) năm lên sáu (6) năm kể từ ngày phát hành chứng quyền.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015, các trái phiếu này đã được phân loại sang khoản nợ dài hạn đến hạn trả cho mục đích trình bày báo cáo tài chính Quý 3 (*Thuyết minh số 14*).

20.3 Các khoản vay dài hạn bên liên quan

Chi tiết của các khoản vay dài hạn bên liên quan như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2015</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i>
<i>Ngàn VNĐ</i>			
<i>Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, Công ty mẹ</i>			
Hợp đồng vay số 05-01/2014/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 3 năm 2014	200.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	12%/năm
Hợp đồng vay số 20082012/HĐV-HAGL ngày 20 tháng 8 năm 2012	150.000.000	72 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	16%/năm
Hợp đồng vay số 05/2012/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 4 năm 2012	120.872.953	60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	Từ 14% đến 17%/năm
Hợp đồng vay số 02/2011/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 12 năm 2011 kèm theo phụ lục hợp đồng số 02/2011/HĐV-HAGL_PL3 gia hạn 3 năm (đến 28/12/2017)	99.278.400	72 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	11,925%/năm
Hợp đồng vay số 01/2013/HĐV-HAGL ngày 17 tháng 5 năm 2013	66.073.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	15%/năm
Hợp đồng vay số 09/12/2014/HĐV-HAGL ngày 9 tháng 12 năm 2014	10.225.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	12%/năm
Hợp đồng vay số 02/2015//HĐV-HAGL ngày 6 tháng 1 năm 2015	100.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	10,87%/năm
TỔNG CỘNG	746.449.353		
<i>Trong đó :</i>			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>66.073.000</i>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

				Ngàn VNĐ
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Quý III năm 2014				
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2014	3.990.670.000	1.295.347.000	24.229.546	5.310.246.546
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	(4.343.408)	(4.343.408)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban thư ký	-	-	(110.001)	(110.001)
Số dư ngày 30 tháng 09 năm 2014	3.990.670.000	1.295.347.000	19.776.137	5.305.793.137
Quý III năm 2015				
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2015	3.990.670.000	1.295.347.000	27.790.888	5.313.807.888
Phát hành thêm Cổ phiếu	798.723.950	999.248.810	-	1.797.972.760
Phát hành cổ phiếu trong năm bằng nguồn thặng dư	2.292.045.000	(2.292.045.000)	-	-
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	1.157.211.580	1.157.211.580
Số dư ngày 30 tháng 09 năm 2015	7.081.438.950	2.550.810	1.185.002.468	8.268.992.228

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2015

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn cổ phần của chủ sở hữu

Cổ đông	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh			Vốn cổ phần đã góp
	Số cổ phần	Ngàn VNĐ	%	Ngàn VNĐ
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	563.106.700	5.631.067.000	79,52	5.631.067.000
Cổ đông khác	145.037.195	1.450.371.950	20,48	1.450.371.950
TỔNG CỘNG	708.143.895	7.081.438.950	100	7.081.438.950

21.3 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 09 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	708.143.895	399.067.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	708.143.895	399.067.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	708.143.895	399.067.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	708.143.895	399.067.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	708.143.895	399.067.000

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 6 tháng 4 năm 2015 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 số 0604/15/ĐHĐCĐ-NNHAGL ngày 6 tháng 4 năm 2015, Công ty đã tiến hành chào bán và phát hành cổ phiếu với tổng số cổ phiếu được phát hành thêm là 309.076.895 cổ phiếu, tăng vốn từ 3.990.670.000 ngàn VNĐ lên 7.081.438.950 ngàn VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2015

22. DOANH THU

22.1 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Ngàn VNĐ			
	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần bán sản phẩm, hàng hóa	3.052.108	4.192.575	12.071.564	9.751.904
Doanh thu cung cấp dịch vụ	205.620	-	205.620	-
TỔNG CỘNG	3.257.728	4.192.575	12.277.184	9.751.904

22.2 DOANH THU TÀI CHÍNH

	Ngàn VNĐ			
	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay	62.211.345	64.527.517	183.194.153	209.667.999
Lãi tiền gửi ngân hàng	6.922	9.077	19.660	38.770
Lãi thanh lý khoản đầu tư	-	-	37.643	-
Cổ tức	372.000.000	88.353.294	1.182.106.596	88.353.294
Các khoản khác	-	266.840	-	3.872.447
TỔNG CỘNG	434.218.267	153.156.728	1.365.358.052	301.932.510

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Ngàn VNĐ			
	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa	3.321.107	3.651.359	10.549.426	7.504.365

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VNĐ			
	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	57.351.563	58.189.113	170.323.421	190.767.767
Các khoản khác		230.499	116.916	3.872.447
TỔNG CỘNG	57.351.563	58.419.612	170.440.337	194.640.214



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

25. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VNĐ			
	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	1.605.368	831.377	3.268.121	2.765.423
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	589.441	-	589.441	-
Các khoản khác	1.015.927	831.377	2.678.680	2.765.423
Chi phí khác	(1.566.248)	(830.972)	(5.269.992)	(2.552.914)
Giá trị còn lại của Tài sản thanh lý	(589.441)	-	(589.441)	-
Chi phí vi phạm hợp đồng	-	-	(2.000.000)	-
Các khoản khác	(976.807)	(830.972)	(2.680.551)	(2.552.914)
TỔNG CỘNG	39.120	405	(2.001.871)	212.509

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2015

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành

Ngàn VNĐ

	9 tháng năm 2015	9 tháng năm 2014
Lợi nhuận trước thuế	1.157.025.075	85.735.732
Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.350	-
Chi phí không đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ	-	-
Chi phí trích trước năm trước khấu trừ kỳ này	(889.600)	-
Thu nhập cổ tức	(1.182.106.597)	(88.353.294)
Các khoản khác	20.861.134	-
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	(5.108.638)	(2.617.562)
Thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	-	-
Trích thừa thuế TNDN cho các kỳ trước	(186.505)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	1.058.447	-
Trích thừa kỳ trước	(186.505)	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(1.157.773)	-
Thuế TNDN trả thừa cuối kỳ	(285.831)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

27. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ</i> <i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Trả mượn & cho mượn	1.305.342.817
		Cổ tức	83.091.160
		Chi phí lãi vay	83.357.000
		Mua cổ phần Bidiphar	33.777.568
		Mua Công ty Bò sữa Tây Nguyên	461.016.248
		Trả lãi vay	164.999.127
		Hợp tác kinh doanh	266.890.000
		Bán hàng hóa, dịch vụ	1.072.715
		Phí trái phiếu	393.257
		Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con
		Bán hàng hóa, dịch vụ	4.703.715
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	7.300.594
Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	11.726
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	38.663.363
		Cổ tức	372.000.000
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	50.680.448
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	52.131.692
Công ty cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	33.516.269
		Cổ tức	810.106.596
Công ty TNHH MTV Kinh doanh XNK Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua nhiên liệu,	1.404.241
		Mua tài sản	1.035.633
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Thanh lý tài sản	589.441
Chi nhánh Cơ khí Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	162.239
Công ty Cổ phần Thẻ Thao Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	6.952
Chi nhánh Công ty Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	1.338

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 30 tháng 09 năm 2015 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Bán hàng hóa, dịch vụ	772.802

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

27. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 30 tháng 09 năm 2015 như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ</i> <i>Số dư</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán tài sản	3.285.900
Công ty TNHH Phát triển Nông Nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	943.950
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	8.847.765
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	542.164
Công ty TNHH MTV KD Xuất nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	4.221
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	64.493
TỔNG CỘNG			14.461.295
<i>Phải thu ngắn hạn</i>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho vay Lãi vay	128.221.602 7.300.594
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay Lãi vay Khác	149.990.002 123.559.096 5.406.428
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay Lãi vay Khác	336.073.001 220.724.571 7.212.880
Công ty cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay Lãi vay Cổ tức Khác	235.611.131 138.186.501 - -
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho vay Lãi vay Cổ tức Khác	581.064.043 149.501.253 19.507.500 6.725.205
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay Lãi vay Khác	438.964.011 545.046.540 5.446.141
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Thu hộ Quý khen thưởng	105.994.169 2.065.085
TỔNG CỘNG			3.206.599.753

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2015

27. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 30 tháng 09 năm 2015 như sau:
(tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ</i> <i>Số dư</i>
Phải thu dài hạn			
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	462.454.605
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	320.151.353
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	859.991.809
Công ty cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay	168.000.000
TỔNG CỘNG			<u>1.810.597.767</u>
Phải trả người bán			
Chi nhánh Cơ khí- Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	2.822
Công ty TNHH MTV Kinh doanh xuất nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	46.383
Công ty Cổ phần Thể Thao Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	38.335
TỔNG CỘNG			<u>87.540</u>
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty TNHH Hoàng Anh Andoung Meas	Công ty con	Mượn tiền	<u>1.359.343</u>
Phải trả dài hạn khác			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Hợp tác kinh doanh	<u>266.890.000</u>
Vay dài hạn			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay dài hạn	<u>746.449.353</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

28. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của năm nay do việc áp dụng Thông tư 200, chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)	Ngàn VNĐ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	4.469.660.684	(3.343.583.806)	1.126.076.878
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	4.466.915.730	(3.343.436.047)	1.123.479.683
- Phải thu về cho vay ngắn hạn		405.196.050	405.196.050
- Phải thu ngắn hạn khác	4.448.461.094	(3.748.632.097)	699.828.997
IV. Tài sản ngắn hạn khác	172.119	(147.759)	24.360
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	6.001.701.246	3.343.583.806	9.345.285.052
I. Các khoản phải thu dài hạn		3.343.583.806	3.343.583.806
- Phải thu về cho vay dài hạn	-	3.343.583.806	3.343.583.806

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 14 tháng 10 năm 2015 Công ty đã mua lại cổ phần của 3 cá nhân là cổ đông của Công ty Cổ Phần Đông Pênh lần lượt là Trần Quang Dũng 9.980.000 cổ phần, Nguyễn Văn Thiêng 4.980.000 Cổ phần, Lê Thị Ngọc Bích 4.980.000 cổ phần để sở hữu 99.7% cổ phần Công ty Cổ Phần Đông Pênh.

Vào ngày 15 tháng 10 năm 2015 Công ty đã mua lại cổ phần của 3 cá nhân là cổ đông của công ty Cổ phần An Đông Mía (Việt Nam) lần lượt là Huỳnh Ngọc Thanh 7.900.000 cổ phần, Nguyễn Thị Hồng Hạnh 3.000.000 cổ phần, Đinh Hoàng Hiệp 3.000.000 cổ phần để sở hữu 69.5% cổ phần của Công ty Cổ Phần An Đông Mía.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

		
_____ Hồ Thị Tuyết Loan	_____ Đỗ Văn Hải	_____ Nguyễn Xuân Thắng
Người lập Ngày 12 tháng 11 năm 2015	Kế toán trưởng	Giám đốc

